

Luật tố tụng quốc tế và thủ tục tố tụng quốc tế

Lê Văn Bình*

Khoa Luật, ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 22 tháng 4 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 06 tháng 06 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 6 năm 2017

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu về luật tố tụng quốc tế và các quan hệ tố tụng liên quan đến thủ tục tố tụng quốc tế, minh chứng thủ tục tố tụng quốc tế có xuất phát điểm dựa trên các quy phạm giống nhau về nội dung, được áp dụng trước hết trong thủ tục tố tụng quốc gia và dần dần trở thành một lĩnh vực hợp tác quốc tế độc lập, được điều chỉnh bằng các quy phạm luật tố tụng quốc tế; nghiên cứu vấn đề pháp điển hóa các quy phạm điều chỉnh các quan hệ tố tụng; làm rõ hơn thẩm quyền siêu quốc gia của các tòa án quốc tế, có cân nhắc đến quan điểm thẩm quyền không thể tách rời, thẩm quyền đương nhiên cùng với sự phát triển trong thực tiễn tư pháp; tính siêu quốc gia và tính hỗ trợ được xem là những hiện tượng pháp luật có liên quan đến nhau, biểu hiện nào trong thủ tục tố tụng quốc tế là những sự kiện pháp lý, vì nó mà xuất hiện, thay đổi hoặc chấm dứt các quan hệ pháp luật tố tụng.

Từ khóa: Luật tố tụng quốc tế; thủ tục tố tụng quốc tế; quan hệ tố tụng; quan hệ pháp luật tố tụng; nguyên tắc tố tụng; tòa án quốc tế.

1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Quan hệ quốc tế ngày càng đa dạng và luôn có tính phức tạp. Nhiều vấn đề trước đây thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật quốc gia (PLQG) thì ngày nay được điều chỉnh bằng pháp luật quốc tế (PLQT). Vì lĩnh vực và phạm vi hợp tác giữa các quốc gia ngày càng mở rộng, cũng như hoạt động của các tổ chức quốc tế (TCQT) ngày càng đa dạng đã đòi hỏi phải xây dựng một cơ chế nhất định thực hiện thủ tục tố tụng quốc tế (TTTTQT), để nhờ nó các quốc gia thực thi các cam kết của mình về giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế, đưa người phạm tội quốc tế ra công lý và bảo vệ các quyền và tự do của con người. Xu hướng thành

lập các tòa án quốc tế (TAQT) nhằm mục đích thống nhất hóa và đảm bảo hiệu lực của PLQT là tất yếu. Một trong những bài học quan trọng nhất của thế kỷ XX là việc thừa nhận hiệu lực của các quy phạm PLQT và cơ chế hòa bình giải quyết các tranh chấp đã được đảm bảo nhờ có sự phối hợp giữa PLQG và PLQT, cũng như khả năng cưỡng chế tư pháp được thực hiện trong khuôn khổ quốc gia và quốc tế¹ [1].

TTTTQT có khởi đầu phát triển trong phạm vi các quy phạm thành văn (material) của chế định hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế và của các quy phạm tố tụng được vay mượn trong PLQG, dần dần trở thành một lĩnh vực đặc biệt của sự hợp tác của các quốc gia và các TCQT, mà trong đó các quốc gia thực hiện

* ĐT.: 84-4-37548514.

Email: binhlevan1962@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4083>

¹ Ottino F., Petersmann E. - U. The WTO Dispute Settlement System, 1995-2003. Studies in Transnational Economic Law (Issue 18). Kluwer Law International, 2004. p.5

quyền bảo vệ các lợi ích của mình và thực hiện các cam kết PLQT. Vì vậy, các quan hệ tổ tụng có liên quan đến TTTTQT dần tách ra thành một nhóm riêng biệt và được điều chỉnh bằng một nhóm quy phạm pháp luật cùng loại, không phụ thuộc vào bản chất pháp luật của cơ quan tư pháp được hình thành và hoạt động.

Nghiên cứu cơ sở pháp luật điều chỉnh các quan hệ tổ tụng có liên quan đến TTTTQT, xác định địa vị tổ tụng của những người tham gia, làm rõ đặc điểm và xu hướng phát triển của các TAQT, có thể tạo điều kiện giải quyết vấn đề có tính hàn lâm đó là tách luật tổ tụng quốc tế (TTQT) thành một ngành luật có tính chất độc lập của luật quốc tế (LQT), cũng như trong việc chuẩn bị cơ sở khoa học để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong xét xử của tòa án hoặc trọng tài quốc tế.

Cộng đồng khoa học từ lâu đã quan tâm và nghiên cứu các vấn đề về tổ chức và thực hiện TTTTQT, ví dụ như trong hiệp hội quốc tế về LQT (năm 2001) đã thành lập một nhóm chuyên gia về thực tiễn và thủ tục của các TAQT bao gồm giáo sư, thẩm phán và các luật gia thực hành nổi tiếng². Vấn đề TTTTQT cũng được các tổ chức phi chính phủ nghiên cứu, ví dụ như: Viện các quan điểm tổ tụng LQT (The PAIL Institute), Hiệp hội luật TTQT (The IAPL) và Hiệp hội các luật gia Hoa Kỳ³.

Vấn đề TTTTQT có tầm quan trọng và đã được minh chứng qua thực tiễn, có nhiều quốc gia tham gia TTTTQT với tính chất là một bên của vụ án có liên quan⁴, hoặc đã tích cực đào

tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao để bảo vệ lợi ích quốc gia thông qua các vụ việc cụ thể, hoặc việc quốc gia đã áp dụng cả luật thành văn và luật tổ tụng⁵ vì hiệu lực của nó có đặc trưng riêng và việc tổ chức và thực hiện TTTTQT có sự khác biệt so với áp dụng pháp luật trong tòa án quốc gia.

Các quan hệ tổ tụng liên quan đến TTTTQT đã được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu⁶; hoặc là họ tập trung nghiên cứu nhiều hơn về lý luận và phân tích chuyên sâu các vấn đề của LQT, phản ánh sự phát triển các quan điểm của luật TTQT; hoặc là họ chú ý hơn đến các vấn đề thực tiễn TTTTQT⁷ [2]; hoặc là họ nghiên cứu về bản chất pháp luật của

pháp mà nước này sử dụng trong điều tra chống bán phá giá tôm Việt Nam.

² Đọc thêm: Nguyễn Bá Diễn. Giáo trình Tư pháp quốc tế, NXB ĐHQGHN, 2013 (Chương XIV, tr.433-474); hoặc Bộ luật TTDS Việt Nam năm 2015, Phần thứ 8 (các điều từ 464-481, chương 38).

³ Amerasinghe Ch. Jurisdiction of International Tribunal. The Hague, 2003.; Bimal P. The world Court Reference Guide: Judgements, Advisory Opinions and Order of the Permanent Court of International Justice and the International Court of Justice (1922-2000). The Hague, 2002.; Cassese A. (ed.) The Rome Statute of the International Criminal Court: A Commentary. Oxford, 2002.; Cassese A. International Criminal Law. Oxford University Press, 2003.; International Criminal Tribunals//Interpol Review of the Red Cross. Vol. 88. 2006. № 861.; Estevez J. El Tribunal Internacional del Derecho del Mar. Barcelona, 2002.; The Permanent Court of Arbitration. The Hague, 1998.; Zimmerman A. and etc. The Statute of the International Court of Justice. A Commentary. Oxford University, Press, 2006.; Pushmin E.A. Về quy phạm tổ tụng trong LQT/Những vấn đề cấp thiết của quy trình pháp lý trong nhà nước của dân. Yaroslavl, 1980. 79tr.; Lukyanova V.Yu. Suy đoán pháp lý trong pháp luật/Pháp luật và Kinh tế. 2006. Số 10, tr.29-34.; Fedotov A.V. Khái niệm và phân loại các suy đoán chứng cứ//Tạp chí pháp luật Nga, 2001, №4. tr.45-55.

⁴ Ví dụ như phân tích toàn diện chuyên sâu các xu hướng và các đặc điểm phát triển của hệ thống các cơ quan TPQT đang tồn tại, hoặc xem xét một số vấn đề về tổ chức trình tự tổ tụng trong phạm vi của nó, cũng như đưa ra kết luận khoa học để minh chứng cho sự hình thành một giai đoạn mới trong khoa học LQT, giai đoạn nghiên cứu xét xử của tòa án như là một biện pháp hòa bình giải quyết các TCQT. Shinkaretskaya G.G. Các phương tiện pháp luật giải quyết các TCQT (luận án TSKH), M., 2010.

² International Law Association Study Group on the Practice and Procedure of International Courts and Tribunals [ILA Study Group URL: http://www.pict-pecti.org/activities/ILA_study_grp.html]

³ Hiệp hội được thành lập ngày 21.8.1878 tại Saratoga Springs, gồm hàng trăm luật gia từ 21 bang. Trụ sở chính tại Chicago và Washington. Thành viên của American Bar Association (ABA) là: các luật sư, ngoài ra có thể là các luật gia ở các cơ quan chính phủ, các luật gia-những nhà khoa học, sinh viên của các trường luật; thành viên tập thể có khoảng 35 tổ chức nghề nghiệp chuyên môn của các luật gia. Smolensky M.B. Hoạt động luật sư và giới luật sư Nga, Rostov on Don. Phoenix, 2004. 256p.

⁴ Ví dụ, Việt Nam là một bên trong vụ kiện tại WTO, Vụ DS404(2009) - Việt Nam kiện Hoa Kỳ về một số biện

luật TTQT⁸ [3]. Khái niệm ngành luật TTQT đã được đưa vào giáo trình giảng dạy đại học⁹ [4,5]; quan điểm đa chiều về đối tượng nghiên cứu có liên quan đến tổ chức TTTTQT và sự cần thiết phải thực hiện chúng trong sự so sánh với thủ tục tố tụng (TTTT) của tòa án quốc gia, cũng đã được nghiên cứu trong nhiều công trình của các chuyên gia về lĩnh vực tố tụng tư pháp quốc gia¹⁰ [6,7].

Việc nghiên cứu để tìm những “lỗ thủng” của pháp luật điều chỉnh các quan hệ tố tụng liên quan đến TTTTQT và đưa ra cách thức khả thi để lấp đầy chỗ “dột” đó là cần thiết. Bài viết sẽ tập trung nghiên cứu các vấn đề sau đây: *một là*, làm rõ các đặc điểm của cơ chế pháp luật điều chỉnh các quan hệ tố tụng có liên quan đến TTTTQT và xác định các đặc điểm quan hệ pháp luật phát sinh trên cơ sở của nó; *hai là*, xác định các đặc điểm của phương tiện pháp luật điều chỉnh các quan hệ tố tụng liên quan đến TTTTQT; *ba là*, phân tích quyền và nghĩa vụ của các quốc gia tạo thành nội dung các quan hệ pháp luật tố tụng và tách TTTTQT thành một lĩnh vực hợp tác đặc biệt của các quốc gia; *bốn là*, giải quyết vấn đề về hình thành một ngành độc lập của LQT điều chỉnh các quan hệ tố tụng liên quan đến TTTTQT; *năm là*, xem xét phạm trù năng lực pháp luật TTQT như là điều kiện tham gia vào các quan hệ pháp luật tố tụng; *sáu là*, nghiên cứu vấn đề

áp dụng chế định trách nhiệm đối với sự vi phạm các quy phạm điều chỉnh TTTTQT; và *bảy là*, làm rõ các đặc điểm của các TAQT đương đại ảnh hưởng đến pháp luật điều chỉnh các quan hệ tố tụng.

Chủ đề nghiên cứu này có liên quan đến nhiều văn bản PLQT điều chỉnh TTTT trong khuôn khổ của các cơ quan tư pháp quốc tế khác nhau¹¹; có nhiều công trình nghiên cứu về lĩnh vực lý luận về nhà nước và pháp luật nói chung¹²[8,9,10] và lý luận về trình tự tố tụng pháp luật, các quy phạm và các quan hệ pháp luật tố tụng¹³[11-13] nói riêng. Việt Nam là thành viên tích cực trong các hoạt động của nhiều TCQT, trong đó có các hình thức TTTTQT, do đó việc chuẩn bị nguồn nhân lực có chuyên môn cao, có khả năng đại diện cho lợi ích của quốc gia trong lĩnh vực này là cần thiết và hỗ trợ cho vấn đề hợp tác với TAQT để giải quyết các vấn đề có liên quan trên bình diện luật pháp.

2. Nội dung cơ bản của luật tố tụng quốc tế và thủ tục tố tụng quốc tế

2.1. Khái niệm và cơ chế pháp luật điều chỉnh các quan hệ tố tụng quốc tế

Phân tích tính khách quan của các phạm trù pháp luật, như luật TTQT, các phương tiện

⁸ Lần đầu tiên luật TTQT đã được đề cập trong sách chuyên khảo về trình tự tố tụng PLQT và LQT. Pushmin E.A. Trình tự tố tụng PLQT và LQT. Kemerovo, 1990, tr.81-82.

⁹ Ignatenko G.V., Tiunov O.I. Giáo trình CPQT, M., 2006, tr.415-447; Bekjashev K.A. Giáo trình CPQT, M., 2003, tr.597-611 và M., 2010, tr.943-981;

¹⁰ Ví dụ như: Butnev V.V. Trách nhiệm TTDS trong hệ thống trách nhiệm vì vi phạm các lợi ích tư pháp/Vấn đề bảo hộ các quyền dân sự, Yaroslavl, 2000; Vikut M.A. Trình tự TTDS của Nga, M., 2005; Gurvich M.A. Phán quyết của tòa: những vấn đề lý luận, M., 1976; Pikalov I.A. Trình tự TTHS Nga, ĐHTH Kurgan, 2005; Shakaryan M.S. Luật TTDS, M., 2004; Yarkov V.V. Giáo trình Trình tự tố tụng trọng tài, Wolters Kluwer, 2006.; Velyaminov G.M. International economic law and process (Academic course): Textbook/Volters Kluwer, 2004; Kovalev A.A. Modern international maritime law and practice of its application. Monograph. M.: the Scientific book, 2003.

¹¹ Hiện nay chưa pháp điển hóa các quy phạm điều chỉnh TTTTQT, nên bài viết sẽ dựa vào các tài liệu của: ICJ, tòa án LHQ về luật biển, Ủy ban LHQ về QCN, tòa án châu Âu về QCN, tòa án liên Mỹ về QCN. Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO, các tòa án ad hoc về Nam Tư (cũ) và Rwanda, tòa án ICC và những tòa án khác.

¹² Alekseev S.S. Lý luận về pháp luật, M., 1995; Lazarev V.V. Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, M., 1996; Livshits R.Z. Giáo trình Lý luận về pháp luật, M., 1994; Malko A.V. Chuyên khảo Lý luận về chính trị pháp luật, M., 2012; Marchenko M.N. Chuyên khảo Nhà nước và Pháp luật trong điều kiện toàn cầu hóa, M., 2009; Chervonyuk V.I. Giáo trình Nhà nước và Pháp luật, M., 2009.

¹³ Gorshenev V.M. Lý luận về trình tự tố tụng pháp luật, Kharkov, 1985, 192p.; Lukyanova E.G. Lý luận về luật tố tụng, M., 2003, 240p.; Pavlushin A.A. Lý luận về trình tự tố tụng pháp luật: những vấn đề và triển vọng phát triển (Luận án TSKH), Samara, 2006, 459p.

pháp luật, sự suy đoán, quyền và nghĩa vụ tổ tụng của các quốc gia sẽ giúp chúng ta khẳng định rằng TTTT là một lĩnh vực đặc biệt của sự hợp tác giữa các quốc gia.

2.1.1. Khái niệm quan hệ tố tụng quốc tế

Các khái niệm pháp luật, như: TAQT, thiết chế tư pháp quốc tế (TPQT) hoặc cơ quan TPQT thường được đưa ra để minh định về một thể chế được hình thành trên cơ sở các quy phạm LQT nhằm giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình hoặc để xét xử người phạm tội quốc tế. Trong hoạt động, thể chế này áp dụng các quy phạm LQT và nằm ngoài quyền tài phán quốc gia của một quốc gia bất kỳ. Tham gia vào TTTTQT có thể bao gồm các chủ thể LQT và các thể nhân, vì vậy cần phân biệt về các khái niệm: *thứ nhất*, chủ thể của các quan hệ pháp luật TTQT bao gồm các chủ thể của LQT; *thứ hai*, người tham gia các quan hệ pháp luật TTQT bao gồm các chủ thể của PLQG được quy định các quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực TTTTQT; và *thứ ba*, người tham gia TTTTQT bao gồm tất cả các thể nhân có tập hợp các quyền và nghĩa vụ tương ứng, cần và đầy đủ để bắt đầu quá trình TTTTQT hoặc là tham gia vào quá trình đó.

Các loại quan hệ tố tụng phát sinh khi tổ chức và thực hiện TTTTQT có các đặc điểm giống nhau được khẳng định bởi các điều kiện tiên quyết chung mà từ đó chúng xuất hiện, còn đặc tính nội dung được thể hiện trong các đặc điểm nội tại của chúng. Các quan hệ pháp luật tố tụng trong hệ thống LQT được giới hạn bởi chúng có chung đối tượng điều chỉnh pháp luật, đó là các quan hệ được hình thành liên quan đến hoạt động của cơ quan TPQT và hướng đến việc quy định các tình tiết của vụ việc được giải quyết và đảm bảo tính hiệu quả công việc của cơ quan này.

Các quan hệ pháp luật tố tụng được thực hiện trong phạm vi của các TAQT thường có bản chất pháp lý khác nhau và có thể được kết hợp thành hai hình thức TTTTQT cơ bản: *một là*, TTTT về các vụ việc liên quan đến thực hiện tội phạm quốc tế (TTTT hình sự quốc tế); và

hai là, TTTT về các vụ việc liên quan đến vi phạm các quyền hoặc là các lợi ích hợp pháp, mà việc bảo vệ các quyền và lợi ích này được đảm bảo trên bình diện quốc tế (TTTT vi phạm PLQT). Mỗi loại TTTT nói trên có một số đặc trưng (nội tại) chung, bởi vì nó được dựa trên một hình thức tố tụng PLQT nhất định để phân biệt với các loại của TTTTQT khác, ví dụ như, xét xử của TAQT và xét xử của trọng tài quốc tế. Việc phân thành các loại TTTTQT được định chế bởi các đặc điểm về bản chất pháp luật của thiết chế cơ quan được thành lập với tư cách là TAQT hoặc là trọng tài quốc tế. Việc phân ra các hình thức TTTTQT có ý nghĩa trong nghiên cứu đặc điểm của các vụ việc mà các cơ quan TPQT thụ lý.

2.1.2. Cơ chế pháp luật điều chỉnh các quan hệ tố tụng quốc tế

Việc phân tích tổng thể sự tác động của các phương tiện pháp luật khác nhau (ví dụ như: tính phức tạp, tính (đa) hệ thống, tính thể chế, tính quy chế, tính trình tự, sự hiện diện của tính nhân quả; tính giai đoạn) điều chỉnh các quan hệ tố tụng sẽ tạo điều kiện phân loại các đặc điểm của cơ chế pháp luật điều chỉnh chúng. Các đặc điểm của cơ chế này được thể hiện cả phạm vi không gian (điều chỉnh) thông qua các điều ước đa phương và song phương. Ví dụ như: việc ký kết một điều ước đặc biệt để đưa vụ việc ra toà; rút lại vụ việc từ thẩm quyền của TAQT trong điều ước song phương; đạt được thỏa thuận trực tiếp của các bên tranh chấp (về vấn đề tố tụng) trong quá trình TTTTQT; ký kết điều ước song phương điều chỉnh các vấn đề riêng của TTTT có tính chất chung và không liên quan đến việc giải quyết một vụ việc bất kỳ (nào). Các văn bản khác nhau về áp dụng pháp luật do TAQT thông qua và các hành vi đơn phương của các quốc gia cũng có ý nghĩa quan trọng trong điều chỉnh pháp luật cá biệt.

Như vậy, các đặc điểm của cơ chế pháp luật điều chỉnh các quan hệ quốc tế nói trên đã tạo điều kiện để tách TTTTQT ra thành một lĩnh vực riêng của hợp tác giữa các quốc gia, mà thông qua đó các quan hệ pháp lý quốc tế đặc

biệt này đã được hình thành và đã chứng minh được tính chất riêng biệt của chúng.

2.1.3. Quyền và nghĩa vụ tổ tụng của các quốc gia

Các quyền và nghĩa vụ tổ tụng của các quốc gia là phần nội dung cơ bản của các quan hệ pháp luật tổ tụng liên quan đến TTTTQT. Trường hợp không quy định danh mục các quyền và nghĩa vụ tổ tụng cơ bản của các quốc gia, thì việc làm rõ các quyền và nghĩa vụ này có thể chỉ dựa trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn án lệ của các TAQT, qua đó sẽ tạo điều kiện làm rõ các quyền tổ tụng cơ bản của các quốc gia, ví dụ như: quyền khởi kiện ra TAQT; quyền chấp nhận hoặc từ chối giải quyết tranh chấp bằng TAQT; quyền quy định trình tự tổ tụng của TTTTQT; quyền quy định vị trí tiến hành TTTTQT; quyền đề đạt yêu cầu với tòa; quyền nộp đơn kiện. Cùng với các quyền nói trên là các trách nhiệm tổ tụng cơ bản, như: trách nhiệm hợp tác với TAQT; trách nhiệm tự kiểm chế các hành vi bất kỳ làm ảnh hưởng tiêu cực đến tiến trình TTTTQT; trách nhiệm tuân thủ trình tự TTTT đã được quy định; và nghĩa vụ phải chịu án phí.

Việc đưa ra danh mục về các quyền và nghĩa vụ tổ tụng nói trên có thể là không đầy đủ, bởi vì trong các văn bản PLQT điều chỉnh hoạt động của các cơ quan tư pháp khác nhau có thể ghi nhận thêm các quyền và nghĩa vụ khác có tính chất riêng biệt.

2.1.4. Sự suy đoán trong thủ tục tổ tụng quốc tế

Sự suy đoán như là phương pháp pháp lý đặc biệt điều chỉnh các quan hệ TTQT. Tác giả cho rằng LQT hiện nay đang còn thiếu các tiêu chí rõ ràng để chấp nhận sự suy đoán nên có thể dẫn đến việc phát sinh các vấn đề liên quan đến việc áp dụng sự suy đoán trong TTTTQT. Vì vậy, để làm rõ bản chất pháp lý của sự suy đoán, chúng ta cần đưa ra khái niệm về sự suy đoán, khám phá thực tiễn áp dụng trong hoạt động của các TAQT, và trên cơ sở phân tích để đưa ra kết luận về các tiêu chí có thể chấp nhận được của sự suy đoán trong TTTTQT.

Thực tiễn hoạt động của các TAQT đã minh chứng sự thật rằng việc áp dụng sự suy đoán trong LQT đã được phổ biến rộng rãi. Sự suy đoán tận tâm có ý nghĩa nền tảng quan trọng trong TTTTQT (sự suy đoán vô tội¹⁴), việc áp dụng nó là điều kiện và bảo đảm cho việc áp dụng các suy đoán có tính đặc biệt khác (như: suy đoán huỷ bỏ hoặc cắt giảm lợi ích, suy đoán tận tâm thực hiện các cam kết bảo vệ các quyền và tự do của con người, các suy đoán lãnh thổ v.v..).

Tính bắt buộc hoặc khả năng áp dụng sự suy đoán trong TTTTQT có thể được quy định trong một vài trường hợp, ví dụ khi mà sự suy đoán là luật chung (tập quán-pháp luật) và được các chủ thể LQT công nhận; hoặc khi sự suy đoán đã được ghi nhận trực tiếp trong văn bản PLQT hoặc căn cứ vào nội dung của các quy phạm điều ước hoặc tập quán của LQT, cơ quan TPQT nhận thấy có sự suy đoán đã được áp dụng trong vụ án nào đó.

2.2. Sự hình thành luật tổ tụng quốc tế như là một ngành luật phức hợp của luật quốc tế đương đại

Việc nghiên cứu các quan điểm về bản chất pháp lý và các đặc điểm của luật TTQT sẽ minh chứng cho sự hình thành luật TTQT như là một ngành luật phức hợp của LQT đương đại.

2.2.1. Phương pháp tiếp cận để xác định bản chất của luật tổ tụng quốc tế

Các luật gia-LQT đã tiến hành nghiên cứu các quy phạm và các quan hệ pháp luật TTTTQT theo ba hướng chính: một là, phương pháp tiếp cận hệ thống chung, tức là phân tách các quy phạm và các quan hệ pháp luật TTQT trong sự so sánh với các quan hệ pháp luật và các quy phạm thực chất ngoài phạm vi nghiên

¹⁴ Trong TTHS, sự suy đoán vô tội có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nguyên tắc này không chỉ đáp ứng yêu cầu chứng minh mà còn hướng tới bảo vệ được quyền của người bị tình nghi, bị can, bị cáo; nguyên tắc suy đoán vô tội có quan hệ chặt chẽ với nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa.

cứu bản chất pháp lý của luật TTQT¹⁵[14, 15]; *hai là*, phương pháp tiếp cận theo ngành, tức là nghiên cứu bản chất pháp lý của luật TTQT khi áp dụng các phương pháp tiếp cận khác nhau để định nghĩa chúng¹⁶ [16-19]; *ba là*, phương pháp tiếp cận phân nhóm, tức là nghiên cứu sự hình thành các quy phạm tổ tụng riêng (ngành, phân ngành, các chế định) không có mối quan hệ khoa học và thực tiễn của nó với luật TTQT¹⁷[20-23].

Nghiên cứu của các nhà lý luận LQT nói trên về các quan hệ pháp luật và các quy phạm tổ tụng đã khẳng định một thực tế rằng trong LQT tồn tại một cơ chế thực thi pháp luật. Trong các ấn phẩm khoa học này đã không nghiên cứu cụ thể về khả năng tách riêng thành ngành luật TTQT, hay sự phát triển chưa đầy đủ của phương pháp tiếp cận hệ thống đương đại đã không cho phép khẳng định về sự hình thành một ngành luật độc lập của LQT, bởi vì khi giải thích nghĩa rộng đối tượng của luật TTQT đã không thể chọn ra được các đặc điểm chung của các quan hệ pháp luật tổ tụng được giới hạn từ các đối tượng của ngành luật khác, mà cho rằng nó phát sinh trong lĩnh vực áp dụng các quy phạm thực chất. Việc nghiên cứu phân đoạn về sự hình thành các quy phạm tổ tụng riêng trong LQT (không xác định rõ liên hệ của nó với luật TTQT) chỉ cho phép tiệm cận TTTT ở các tòa án riêng biệt, mà khó có thể tách được chế định

tổ tụng chung được áp dụng cho mọi hình thức của TTTTQT.

Tác giả cho rằng, mặc dù các ngành LQT có tính chất đa dạng và sự tồn tại khách quan của chúng đã được ghi nhận trong nhiều học thuyết, tuy nhiên việc phân tích bản chất của LQT đã cho thấy việc phân ra các ngành trong LQT luôn được dựa trên cơ sở các tiêu chí của pháp luật điều chỉnh các quan hệ quốc tế có liên quan đến một lĩnh vực hợp tác quốc tế cụ thể của các chủ thể LQT. Do đó, câu hỏi về sự hình thành một ngành luật mới trong hệ thống LQT chỉ có thể được giải quyết dựa trên cơ sở nghiên cứu các quan hệ quốc tế mà chúng được ngành luật như vậy điều chỉnh. Đặc biệt hơn trong lý luận về pháp luật từ lâu đã khẳng định nguyên lý và được công nhận bởi các nhà lý luận của LQT khi cho rằng một ngành luật¹⁸ [24] là một tập hợp các quy phạm pháp luật tương đối riêng biệt điều chỉnh một lĩnh vực xác định của các quan hệ giữa các quốc gia.

Nghiên cứu các đặc điểm và các điều kiện tiên quyết chung đối với sự xuất hiện các quan hệ pháp luật TTQT được hình thành trong phạm vi và có liên quan với TTTTQT, tác giả thấy rằng các quan hệ này có tính chất riêng biệt và việc đưa ra khái niệm về ngành luật TTQT là cần thiết. Đối tượng của ngành này có thể gồm hai nhóm quan hệ quốc tế: *một là*, các quan hệ quốc tế được hình thành có liên quan đến sự thiết lập các tình tiết vụ việc bởi các cơ quan TPQT và thuộc thẩm quyền của họ; và *hai là*, các quan hệ quốc tế được hình thành liên quan đến sự hợp tác của các chủ thể LQT nhằm hướng tới việc tổ chức và đảm bảo tính hiệu quả của TTTTQT.

2.2.2. Nguồn và hệ thống các nguyên tắc của ngành luật tổ tụng quốc tế

Thực tiễn đã minh chứng rằng các điều ước với bản chất pháp lý khác nhau đã và đang đóng vai trò chính trong điều chỉnh của luật TTQT, bên cạnh các điều ước thành văn là việc áp

¹⁵ Biryukov P.N. Luật quốc tế, M., 2006, 685tr.; Vasilenko V.A. Trách nhiệm và các chế tài trong LQT hiện đại, Kiev, 2005; Chernichenko S.V. Lý luận LQT, M., 1999.

¹⁶ Bekyashev K.A. Công pháp quốc tế, M., 2003, 640tr.; Shumilov V.M. Luật KTQT, NXB "NIMP", 2001; Panov V.P. Luật HSQT, M., 1997, 320tr.; Pushmin E.A. Về quy phạm tổ tụng trong LQT. Những vấn đề cấp thiết của trình tự tổ tụng trong NNPT, Yaroslavl, 1980.

¹⁷ Nguyễn Ngọc Chí. Giáo trình Luật HSQT, Hà Nội, NXB CTQG, 2012; Nguyễn Bá Diên. Giáo trình CPQT, NXB ĐHQGHN, 2013 (Chương 8, tr.302-353); Blishchenko I.P., Fisenko I.V. Luật HSQT, M., 1998, 239tr.; Kostenko N.I. Luật HSQT. Những vấn đề lý luận hiện đại, M., 2004, 448tr.; Lukashuk I.I., A.V. Naumov. Luật HSQT, M., 1999, 287tr.; Rechetov Yu.A. Đấu tranh với tội phạm chống hòa bình và ANQT, M., 1983, 223tr.; Yurova N.M. Pháp luật TTDS quốc tế. Cơ sở lý luận thực hiện các quy phạm trong HTPL Nga, M., 2008, 352tr.

¹⁸ Đọc thêm: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật. NXB ĐHQGHN, 2005, tr.461.

dụng rộng rãi các thỏa thuận bất thành văn¹⁹ [25] (gentlemen's agreements) của các quốc gia trong TTTTQT. Tính chất độc lập của ngành luật TTQT được khẳng định thông qua hai loại điều ước riêng biệt, tức là chúng không được áp dụng trong bất kỳ lĩnh vực nào của hợp tác giữa các quốc gia (hay TCQT), ngoại trừ trong lĩnh vực tổ chức TTTT, đó là: sự thỏa hiệp - compromise (thỏa thuận trọng tài - arbitration agreement) và điều ước về các quy tắc thủ tục.

Các quan hệ tố tụng trong lĩnh vực TTTTQT được điều chỉnh bởi cả các tập quán quốc tế. Tuy nhiên, nếu chúng không được quy định tính quy phạm trong các văn bản PLQT điều chỉnh trình tự TTTT hoặc không là các quy phạm đã được công nhận chung thì vai trò điều chỉnh pháp luật của chúng sẽ bị hạn chế đáng kể, bởi vì khi kiến lập một sự kiện tập quán tồn tại và nhận được sự công nhận nó từ các quốc gia là cả một quá trình phức tạp và lâu dài. Bên cạnh đó, những điểm “đột” trong pháp luật điều chỉnh các quan hệ tố tụng thì TAQT lại có khả năng lấp đầy bằng những cách thức khác nhau: *một là*, sử dụng quyền của mình để soạn thảo các quy phạm TTTT, quyền này được các quốc gia giao cho họ trên cơ sở pháp luật là các quy phạm điều ước; và *hai là*, trên cơ sở các tập quán đã được công nhận chung, tòa sử dụng thẩm quyền đương nhiên của mình để soạn thảo các quy phạm TTTT. Việc này có thể được hiểu như vai trò sáng tạo (creative role) của tòa và thường không phổ biến trong hệ thống PLQT.

Các văn bản của các TCQT cũng có ý nghĩa quan trọng trong điều chỉnh các quan hệ tố tụng và có thể được chia thành ba nhóm cơ bản: *thứ nhất* là các quyết định của các TCQT điều chỉnh TTTTQT trên cơ sở của các nguyên tắc chung; *thứ hai* là các văn bản cá biệt (phán quyết, truy vấn, trát của tòa, lệnh của tòa án, v.v...); và *thứ ba* là các quyết định về vụ việc (các tiền lệ-precedents).

Như vậy, nguồn của luật TTQT theo nghĩa rộng nhất có thể chỉ bao gồm các văn bản của các TCQT điều chỉnh TTTT trên cơ sở của các

nguyên tắc chung, bởi vì các văn bản cá biệt và các tiền lệ là các văn bản áp dụng pháp luật. Nguồn này được dựa trên các nguyên tắc ngành nhất định, các nguyên tắc này đã giới hạn cụ thể TTTTQT so với các hình thức khác của hoạt động áp dụng pháp luật và dự báo nội dung của nó. Dưới góc độ TTTTQT chúng ta có thể hiểu rằng: hoạt động độc lập của các cơ quan TPQT (*nguyên tắc độc lập của TAQT*) trong thực hiện các chức năng của tòa án liên quan đến việc quy định một sự kiện vi phạm quy phạm PLQT; hoặc xâm hại lợi ích của các quốc gia có chủ quyền mà chính họ không bày tỏ sự đồng ý của mình (*nguyên tắc đồng thuận của quốc gia về thẩm quyền của TAQT*); hoặc theo nguyên tắc đảm bảo sự cân bằng lợi ích của các bên đối với vụ việc được xét xử bằng cách trao cho họ khả năng như nhau để thực hiện các hành vi tố tụng (*nguyên tắc tranh tụng và bình đẳng tố tụng*)²⁰; hoặc đề quy định trách nhiệm của chủ thể hoặc cá nhân trong phán quyết được tuyên theo trình tự đã quy định bằng các quy phạm LQT (*nguyên tắc cấm non-liquet*)²¹.

2.2.3. Chủ thể và người tham gia luật tố tụng quốc tế

Tác giả cho rằng các điều kiện tiên quyết bắt buộc của chủ thể hoặc là người tham gia quan hệ pháp luật tố tụng là các quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực tố tụng TPQT, đó là phạm trù năng lực pháp luật TTQT. Phạm trù này trong

²⁰ Các nguyên tắc tố tụng: thượng tôn pháp luật; không bắt oan người ngay, không bỏ lọt tội phạm; xử đúng người, đúng tội; suy đoán vô tội; và trọng chứng hơn trọng cung.

²¹ Nguyên tắc (tính) nhất quán của PLQT (cấm non – liquet) tạo thành quy phạm quan trọng của PLQT, nó khẳng định bằng thực tiễn của TAQT và trọng tài. Việc công nhận quy phạm cấm non-liquet đã có lịch sử riêng, từ năm 1875, Viện LQT đã tuyên bố trong nghị quyết đặc biệt rằng Tòa trọng tài có thể từ chối đưa ra phán quyết với lý do điều đó không đủ được làm sáng tỏ đối với các sự kiện hoặc là các nguyên tắc pháp luật mà tòa cần áp dụng. Trong cùng mức độ, Ủy ban LQT của LHQ trong các quy tắc mẫu của trình tự tố tụng trọng tài, được thông qua vào năm 1958 tại kỳ họp thứ mười đã tuyên bố rằng tòa không được phép từ chối việc được nói lên những ý kiến (nhận xét) về bản chất vụ việc (đã) được xem xét. Trong điều II của Quy tắc đã ghi nhận rằng tòa không thể từ chối đưa ra phán quyết vì thiếu hoặc chưa rõ ràng phải áp dụng QPPL.

¹⁹ Lê Văn Bình. Luật điều ước quốc tế (Sách chuyên khảo), NXB ĐHQGHN, 2010, tr.45-58.

quan hệ với các quốc gia được giải thích như sau: *thứ nhất*, chỉ quốc gia mới có quyền thành lập các cơ quan TPQT; *thứ hai*, chính các quốc gia mới có quyền nhượng quyền cho TCQT quyền thành lập và duy trì hoạt động của các cơ quan TPQT, bằng cách quy định phạm vi thẩm quyền cụ thể trong các văn bản sáng lập của các tổ chức đó; và *thứ ba*, chỉ có các quốc gia mới có thể cho các thể nhân quyền khiếu kiện ra cơ quan TPQT để bảo vệ các quyền bị xâm phạm (luật công).

Thực tế đã minh chứng rằng các thể nhân có năng lực pháp luật TTQT, nhưng điều đó không thể là cơ sở để công nhận họ là các chủ thể của LQT vì tính chất hạn chế của phạm trù pháp luật này: *thứ nhất*, khi thực hiện các quyền và trách nhiệm tố tụng của mình, những người này có thể và cần phải đứng ở bình diện quốc gia (và chỉ khi ở các thiết chế tư pháp trong nước không có hiệu quả thì họ có thể tiến hành TTTTQT); *thứ hai*, trong các cơ quan TPQT những người này có thể chỉ bảo vệ được các quyền và lợi ích mà cơ chế bảo vệ chúng được thành lập trên bình diện quốc tế (chứ không phải tất cả các quyền được quy định trong LQT và LQG); *thứ ba*, sự xuất hiện các quyền của những người này ở cơ quan TPQT để bảo vệ các quyền đã bị vi phạm còn phụ thuộc vào việc quốc gia mà họ có quốc tịch có là thành viên của điều ước tương ứng hay không. Trên thực tế thể nhân có thể là những người tham gia TTTTQT, nhưng họ không được công nhận là chủ thể của LQT, vì tính chất năng lực pháp luật TTQT đặc biệt của họ, đó là tính chủ thể pháp luật của cá nhân theo PLQG và sự thể hiện ý chí của các quốc gia tương ứng.

Tác giả cho rằng sẽ là hợp lý hơn nếu chia những người tham gia TTTTQT thành ba nhóm: *một là*, nhóm các chủ thể giải quyết vụ việc liên quan đến sự vi phạm các quy phạm LQT hoặc đến các lợi ích; *hai là*, nhóm các bên của TTTTQT; và *ba là*, nhóm những người tham gia TTTTQT nhằm giúp đỡ tiến hành tố tụng (các nhân chứng, giám định viên, các chuyên gia, phiên dịch và những người khác). Sự phát triển của luật TTQT đương đại cho phép chúng ta đi đến kết luận về sự hình thành

trong hệ thống của nó chế định *amicus curiae*. Đây là một vấn đề rất quan trọng đối với sự phát triển của luật TTQT, đó là chế định quyền đại diện tố tụng, quyền này là rất cần thiết và nên được phổ biến rộng rãi trong thực tiễn TPQT nhằm thu hút sự tham gia của các luật sư tư vào quá trình TTTTQT.

2.2.4. Các đặc điểm áp dụng chế định trách nhiệm quốc tế đối với sự vi phạm các quy phạm luật tố tụng quốc tế

Chúng ta cần phân biệt một vài căn cứ mà theo đó đã làm phức tạp hơn quá trình áp dụng chế định trách nhiệm trong ngành luật này và khuyến nghị về phân loại các vi phạm pháp luật tố tụng, cụ thể: *thứ nhất*, về các chủ thể vi phạm pháp luật, như: vi phạm pháp luật của các quốc gia, vi phạm pháp luật của các TCQT và vi phạm pháp luật của các thể nhân; *thứ hai*, về tính chất của các quy phạm bị vi phạm, như: vi phạm các quy phạm của điều ước, vi phạm các quy phạm tập quán quốc tế và vi phạm các quy phạm trong các văn bản của TCQT; *thứ ba*, về mức độ nghiêm trọng (hậu quả của sự vi phạm), như: tội phạm và *delictum*²². Trong luật TTQT hiện hành còn chưa pháp điển hóa quy định trách nhiệm áp dụng đối với quốc gia có hành vi vi phạm các quy phạm điều ước hoặc quy phạm tập quán, tức là vi phạm các cam kết quốc tế²³ [26]. Tuy nhiên việc xác định các cam kết của các TAQT luôn có tính phức tạp nhất định, tác giả cho rằng mỗi cơ quan TPQT cần phải tuân thủ ít nhất hai trách nhiệm tố tụng cơ bản có tính chất cam kết quốc tế: *một là*, trách nhiệm giải quyết vụ việc đã được chuyển đến từ các quốc gia hay các thể nhân có liên quan đến vụ việc đó; và *hai là*, trách nhiệm tuân thủ thủ

²² *Delictum* có thể được hiểu theo hai nghĩa là *delictum* công và *delictum* tư, *delictum* công là sự vi phạm các quyền và lợi ích của một quốc gia nói chung; *delictum* tư sự vi phạm các quyền và lợi ích của các cá nhân làm phát sinh trách nhiệm của người đã thực hiện hành vi *delictum* phải trả tiền phạt cho nạn nhân hoặc bồi thường thiệt hại. http://www.e-reading.club/chapter.php/97811/82/Isaicheva_-_Shpargalka_po_rimskomu_pravu.html

²³ Lê Văn Bình. Trách nhiệm pháp lý quốc tế. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học 28 (2012) 69-77.

tục giải quyết vụ việc dựa trên các nguyên tắc TTTTQT, các quy phạm điều ước và tập quán quốc tế.

2.3. Tòa án quốc tế đương đại như là thiết chế cơ chế tố tụng

2.3.1. Đặc điểm của các cơ quan TPQT

Cơ quan TPQT như là một thiết chế thực hiện các quan hệ tố tụng, chúng có các đặc điểm riêng: *một là*, các TAQT không có tính thứ bậc; *hai là*, TAQT có tính khu vực hóa trong hoạt động; *ba là*, sự phân loại thẩm quyền của các TAQT; *bốn là*, sự phức tạp về cơ cấu bên trong của các TAQT và quan hệ của tòa với các chủ thể của LQT; *năm là*, không có một trung tâm thống nhất để thực hiện việc pháp điển hóa các quy phạm TTQT.

Trong các đặc điểm nói trên, đặc điểm sau cùng của TAQT là có ý nghĩa khoa học đặc biệt, bởi vì hiện nay việc pháp điển hóa luật TTQT đang được tiến hành riêng ở từng TAQT, áp dụng phương pháp tiếp cận này để pháp điển hóa luật TTQT rất khó có hiệu quả. Do vậy, việc pháp điển hóa và phục vụ cho việc phát triển bộ luật TTQT sẽ tốt hơn nếu giao cho Ủy ban LQT LHQ thực hiện, vì ở đó sẽ được thực hiện bởi các nhà khoa học có chuyên môn, có uy tín và sẽ kế thừa được cơ sở tổng hợp các quy phạm tố tụng đã được áp dụng thống nhất trong các cơ quan tư pháp khác nhau, qua đó sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành luật này và làm giảm áp lực chính trị lên tòa từ phía các bên tham gia tố tụng. Kết quả hoạt động của Ủy ban chính là thông qua các văn bản và chúng có thể là các quy tắc có tính chất khuôn mẫu cho TTTTQT.

2.3.2. Hiện tượng hỗ trợ và tính siêu quốc gia trong hoạt động của các TAQT, mối quan hệ và vai trò của chúng đối với các quan hệ tố tụng

Phân tích hoạt động của TAQT chúng ta thấy rằng thẩm quyền siêu quốc gia của các tòa án có thể được biểu hiện khác nhau, ví dụ như: việc quy định về một số loại vụ việc mà theo đó thẩm quyền của TAQT được ưu tiên hơn so với tòa án quốc gia; hoặc là khả năng các TAQT áp

dụng các biện pháp tạm thời để giải quyết vấn đề về thẩm quyền đương nhiên; hay quyền của TAQT gửi lệnh (hoặc yêu cầu) tư pháp, có tính bắt buộc để thực thi trên lãnh thổ của các quốc gia mà không cần phải thông qua các văn bản luật quốc nội tương ứng. Bản chất của “thẩm quyền không tách rời” (inherent power) được thể hiện ở chỗ là trong hoạt động của mình TAQT có một tập hợp quyền hạn xác định, cần thiết và đầy đủ để thực hiện các chức năng của mình (các chức năng liên quan đến bản chất của cơ quan tư pháp).

Tính hỗ trợ của TTTTQT có thể được biểu hiện trong một số trường hợp, ví dụ như: khi ghi nhận nguyên tắc hỗ trợ như là điều kiện để TAQT thực hiện thẩm quyền; hoặc là khi quy định thủ tục bắt buộc "trước tòa" giải quyết tranh chấp quốc tế, nếu một yêu cầu như vậy được quy định trong điều ước. Tính hỗ trợ trong ý nghĩa tố tụng được hiểu là tình huống mà trong đó một chủ thể của LQT hay LQG có cam kết hoặc có khả năng bảo vệ quyền của mình, giải quyết sự khác nhau về pháp luật hoặc là giải quyết vụ việc về vi phạm các nguyên tắc của LQT trong trình tự thủ tục ít tốn kém chi phí nhất về nhân lực và vật lực. Việc sử dụng chúng cho phép các bên liên quan nhận được một giải pháp chấp nhận được mà không cần tới sự khởi đầu của TTTTQT. Trong trường hợp, nếu tính hỗ trợ được áp dụng với tư cách là nguyên tắc thì việc tuân thủ nó là bắt buộc. Tính phức tạp phát sinh trong thực tiễn liên quan đến vấn đề về sự cần thiết phải tuân thủ tính hỗ trợ, khi mà quy phạm quy định trình tự giải quyết tranh chấp quốc tế "trước tòa" trực tiếp không quy định tính bắt buộc của nó.

3. Kết luận chung

Nghiên cứu luật TTQT và TTTTQT, tác giả có thể rút ra những điểm mới về khoa học được biểu hiện cả về lý luận và thực tiễn như sau:

Thứ nhất, TTTTQT là một lĩnh vực hợp tác của các chủ thể LQT có tính đặc thù, trong đó các quốc gia thông qua tổ chức hoạt động của

các cơ quan TPQT để thực hiện các cam kết giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình, đưa tội phạm quốc tế ra công lý, bảo vệ các quyền và tự do của con người, lợi ích quốc gia. Trong phạm vi của lĩnh vực hợp tác này đã hình thành các quan hệ quốc tế dưới dạng đặc biệt, trong đó các quốc gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ tổ tụng cơ bản của mình, còn tính đặc biệt của nó phụ thuộc vào nội dung của các quy phạm tổ tụng tư pháp của cơ quan TPQT cụ thể. Trong đó đối với mỗi cơ quan TPQT, các quốc gia lại hướng tới thỏa thuận một danh mục các phương tiện pháp luật được áp dụng trong quá trình tố tụng tư pháp. Các phán quyết của các cơ quan TPQT không thể trái với các quy phạm tổ tụng đã được các quốc gia thỏa thuận, cũng như các nguyên tắc được công nhận chung đang có hiệu lực trong lĩnh vực này. Các quan hệ pháp luật tố tụng được hình thành trong lĩnh vực tố tụng TPQT có tính độc lập và đặc thù, vì các nguyên do: *một là*, về các đặc điểm của các quan hệ tố tụng của luật TTQT; *hai là*, đặc thù của các phương tiện pháp luật điều chỉnh các quan hệ tố tụng, trong đó phương pháp suy đoán²⁴ (praesumptio) chiếm vị trí đặc biệt; *ba là*, các điều kiện tiên quyết chung cho sự xuất hiện các quan hệ pháp luật nói trên; và *bốn là*, các đặc điểm chung của các quan hệ pháp luật này.

Thứ hai, sự suy đoán là phương tiện pháp luật đặc biệt điều chỉnh các quan hệ tố tụng trong khuôn khổ TTTTQT, có ý nghĩa trong việc bổ khuyết cho “lỗ hổng” trong điều chỉnh pháp luật; phục vụ cho mục đích rút ngắn tố tụng; sắp xếp chứng cứ; giúp cho sự phân chia

²⁴ Tư tưởng về suy đoán vô tội đã được thể hiện trong ấn phẩm “*Tội phạm và hình phạt*” (1764) của Bekaria, Ý; tại đ.9 Tuyên ngôn QCN và công dân 1789 (Pháp) đã ghi nhận tư tưởng này như là một nguyên tắc pháp lý; nguyên tắc suy đoán vô tội được ghi trong Tuyên ngôn NQ năm 1948 (đ.11) và Công ước về các quyền DS và CT năm 1966 (đ.14); hoặc trong Quy chế Roma về ICC (1998). Pháp luật TTHS của nhiều nước đã thừa nhận nguyên tắc trên và coi là một trong các nguyên tắc của TTHS. Ví dụ, PLVN, tại đ.72 Chương V Hiến pháp 1992 (sđ,bs 2001); đ.31 Hiến pháp 2013; đ.9, Bộ luật TTHS 2003; đ.13 Bộ luật TTHS 2015. Hoặc tại đ.49 Hiến pháp Nga và đ.14 của Bộ luật TTHS Nga 2001; đ.12 và đ.43 BLTTHS (Trung Hoa) 1979 (sđ,bs1996).

nghĩa vụ chứng minh giữa các bên; chuẩn hóa trình tự TTTTQT. Tuy nhiên, phương tiện pháp luật này không được áp dụng rộng rãi và đồng bộ trong các lĩnh vực hợp tác giữa các quốc gia.

Thứ ba, sự phát triển của LQT đương đại cho thấy rằng thực tế đã hình thành một ngành luật TTQT độc lập trong hệ thống LQT, có đối tượng điều chỉnh pháp luật, có nguồn luật²⁵ điều chỉnh lĩnh vực TTTTQT, có các nguyên tắc riêng của ngành²⁶. Theo đó, *luật TTQT được hiểu là một ngành luật độc lập của LQT, bao gồm tập hợp các nguyên tắc và các quy phạm, điều chỉnh các quan hệ quốc tế có liên quan đến quá trình tố tụng và thực hiện TTTTQT và đảm bảo tính hiệu quả của nó*. Phân tích sự phát triển của luật TTQT đã minh chứng về sự hình thành trong phạm vi của nó hai phân ngành cơ bản: luật tố tụng hình sự quốc tế và luật tố tụng (công pháp) quốc tế²⁷, các chế định, như: chế định về năng lực pháp luật TTQT; chế định về quyền đại diện tố tụng; chế định về các biện pháp (bảo vệ) tạm thời; chế định về các chứng cứ và minh chứng; chế định amicus curiae²⁸ (“bạn của tòa”).

Thứ tư, vai trò quan trọng đảm bảo tính hiệu quả TTTTQT là khả năng lôi cuốn người tham gia tố tụng theo quy chế amicus curiae, theo đó chủ thể của LQT hoặc một thể nhân có kiến

²⁵ Các nguồn cơ bản luật TTQT bao gồm: điều ước và tập quán quốc tế; hiến chương và quy tắc thủ tục của các TCQT; các quy chế, các quy tắc thủ tục và bằng chứng của các TAQT; pháp luật của các quốc gia bảo đảm việc thực hiện các quy phạm thành văn của LQT và các phán quyết của TAQT. Pushmin E.A. Về quy phạm tố tụng trong PLQT/Những vấn đề cấp thiết của trình tự tố tụng PL trong nhà nước của dân. Yaroslavl, 1980. tr.79.

²⁶ Ngoài các nguyên tắc cơ bản của CPQT, các nguyên tắc chuyên ngành của luật TTQT bao gồm: bầu thẩm phán, tính độc lập của thẩm phán và chỉ tuân theo các quy phạm của LQT; xét xử công khai; dân chủ tranh tụng; bình đẳng tố tụng v.v...

²⁷ Cần có sự phân biệt luật TTDS quốc tế với luật tố tụng CPQT.

²⁸ Đây là chế định pháp luật phổ biến ở nhiều nước châu Âu, có xuất phát điểm là một thuật ngữ pháp lý của luật La Mã, có nghĩa là một người hỗ trợ cho tòa án, đề nghị sự chú ý của tòa đến thông tin có liên quan đến vụ án, mặc dù thực tế người đó không phải là một bên trong vụ án và được lôi cuốn vào vụ án như những người tham gia trực tiếp.

thức chuyên môn không quan tâm đến kết quả của vụ án, đề nghị cơ quan tư pháp xem xét kết luận về các vấn đề sự kiện-chứng cứ hoặc luật áp dụng. Các báo cáo về áp dụng các quy phạm LQT đối với các tranh chấp quan hệ pháp luật theo *amicus curiae* thể hiện tính chuyên môn cao nên có ảnh hưởng đến sự phát triển của LQT, cần thiết nên áp dụng chế định *curiae amicus* trong các cơ quan TPQT và cho phép cơ quan này quyền xác định khả năng áp dụng *amicus curiae* trong một vụ việc cụ thể.

Thứ năm, các phương tiện pháp luật điều chỉnh các quan hệ tổ tụng liên quan đến TTTTQT được áp dụng trong phạm vi hoạt động áp dụng pháp luật của các TAQT, được giới hạn bởi các nguyên tắc: nguyên tắc quốc gia đồng ý với thẩm quyền của cơ quan TPQT; nguyên tắc độc lập của cơ quan TPQT; nguyên tắc tranh tụng; các nguyên tắc tổ tụng bình đẳng và nguyên tắc *cum non-liquet*. Đây là các nguyên tắc của ngành luật TTQT, bởi vì chúng đáp ứng được các tiêu chí: *tính bắt buộc, tính phổ cập, tính chung và tính cụ thể*.

Thứ sáu, khả năng tham gia trong vai trò là chủ thể hoặc người tham gia các quan hệ pháp luật tổ tụng có liên quan đến TTTTQT được định chế bằng năng lực pháp luật tổ tụng của chủ thể liên quan. Thực thể nhân danh quốc gia hoặc chủ thể phát sinh đối với các TCQT; và các thể nhân. Theo phạm trù này, năng lực của các chủ thể và những người tham gia các quan hệ pháp luật TTQT có các quyền tổ tụng và bằng các hành vi của mình thực hiện các trách nhiệm tổ tụng được quy định trong các quy phạm điều ước và quy phạm pháp luật tập quán của LQT.

Thứ bảy, để tổ chức có hiệu quả TTTTQT cần giải quyết ba vấn đề thực tiễn: *một là*, khắc phục xung đột thẩm quyền của các TAQT; *hai là*, loại trừ xung đột thực tiễn tư pháp; và *ba là*, quy định sự cần thiết phải tuân thủ trình tự xét xử tranh chấp quốc tế trước tòa.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ottino F., Petersmann E. The WTO Dispute Settlement System, 1995-2003. Studies in Transnational Economic Law (Issue 18). Kluwer Law International, 2004. p.5.
- [2] Shinkaretskaya G.G. Các phương tiện pháp luật giải quyết các tranh chấp quốc tế (xu hướng phát triển) (luận án TSKH), M., 2010.
- [3] Pushmin E.A. Trình tự tổ tụng PLQT và LQT. Kemerovo, 1990, tr.81-82.
- [4] Ignatenko G.V., Tiunov O.I. Giáo trình CPQT, M., 2006, tr.415-447.
- [5] Bekjashev K.A. Giáo trình CPQT, M., 2010, tr.943-981.
- [6] Butnev V.V. Trách nhiệm TTDS trong hệ thống trách nhiệm vì vi phạm các lợi ích tư pháp//Vấn đề bảo hộ các quyền dân sự, Yaroslavl, 2000.
- [7] Vikut M.A. Trình tự tổ tụng dân sự của Liên bang Nga, M., 2005.
- [8] Malko A.V. Chuyên khảo Lý luận về chính trị pháp luật, M., 2012.
- [9] Marchenko M.N. Chuyên khảo Nhà nước và Pháp luật trong điều kiện toàn cầu hóa, M., 2009.
- [10] Chervonyuk V.I. Giáo trình Nhà nước và Pháp luật, M., 2009.
- [11] Gorshenev V.M. Lý luận về trình tự tổ tụng pháp luật, Kharkov, 1985.
- [12] Lukyanova E.G. Lý luận về luật tổ tụng, M., 2003.
- [13] Pavlushin A.A. Lý luận về trình tự tổ tụng pháp luật: những vấn đề và triển vọng phát triển (Luận án TSKH), Samara, 2006.
- [14] Biryukov P.N. Luật quốc tế, M., 2006.
- [15] Vasilenko V.A. Trách nhiệm và các chế tài trong LQT, Kiev, 2005.
- [16] Bekyashev K.A. Công pháp quốc tế, M., 2003.
- [17] Shumilov V.M. Luật kinh tế quốc tế, NXB "NIMP", 2001.
- [18] Panov V.P. Luật hình sự quốc tế, M., 1997.
- [19] Pushmin E.A. Về quy phạm tổ tụng trong LQT. Những vấn đề cấp thiết của trình tự tổ tụng trong nhà nước pháp quyền, Yaroslavl, 1980.
- [20] Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên), Giáo trình Luật HSQT, Hà Nội, NXB CTQG, 2012.
- [21] Nguyễn Bá Diễn (Chủ biên), Giáo trình CPQT, NXB ĐHQGHN, 2013 (Chương 8, tr.302-353).
- [22] Kostenko N.I. Luật HSQT. Những vấn đề lý luận hiện đại, M., 2004.

- [23] Yurova N.M. Pháp luật TTDS quốc tế. Cơ sở lý luận thực hiện các quy phạm trong HTPL Nga, M., 2008.
- [24] Hoàng Thị Kim Quế. Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật. NXB ĐHQGHN, 2005, tr.461.
- [25] Lê Văn Bình. Luật điều ước quốc tế (Sách chuyên khảo), NXB ĐHQGHN, 2010, tr.45-58.
- [26] Lê Văn Bình. Trách nhiệm pháp lý quốc tế. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học 28 (2012) 69-77.

International Procedural Laws and International Proceedings

Le Van Binh

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: This article researches on international procedural laws and procedural relations related to international proceedings, proving that international proceedings originating from the basis of norms with the same content, applied firstly in national proceedings and gradually became an independent international cooperation field governed by international procedural norms; and on the issue of codification of norms governing procedural relations. The article also clarifies the supranational jurisdiction of international courts in consideration of inseparable authority viewpoints, natural authority along with the development of practical justice. The author concludes that supranationality and complementarity are considered to be interrelated legal phenomena, legal events, for which procedural law relations appear, are changed or terminated.

Keywords: International procedural laws, international proceedings, procedural relations, procedural law relations, procedural principles, international court.